

Số: 123/QĐ-STNMT

Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước
năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ Quyết định công bố công khai, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Văn phòng Sở có trách nhiệm công khai tại bảng thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường trong vòng 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

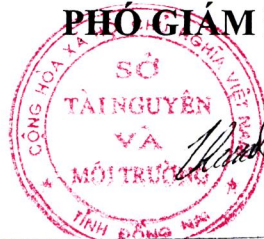
Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTC02b.Tr07b.

D:\Trinh\2019\QD\congkhai

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-STNMT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc									
					Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Công nghệ Thông tin	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật MT	Trung tâm Kỹ thuật Địa chính - Nhà đất	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Văn phòng đăng ký đất đai		
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách nhà nước phí, lệ phí													
I	Số thu phí, lệ phí	22.250	22.250	0	1.942	8.728		271					11.309	
1	Lệ phí	3.123	3.123	0	148								2.975	
1.1	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	148	148	0	148									
1.2	Lệ phí cấp giấy CNQSDĐ	2.975	2.975	0									2.975	
2	Phí	19.127	19.127	0	1.794	8.728	0	271					8.334	
2.1	Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản	66	66	0	66									
2.2	Phí thẩm định đề án; báo cáo thăm dò, xả thải, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	695	695	0	695									
2.3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	7.111	7.111	0		7.111								
2.4	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.541	1.541	0	530	1.011								
2.5	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất	492	492	0	492									
2.6	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	4.921	4.921	0									4.921	
2.7	Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai	3.653	3.653	0				240						3.413

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc								
					Văn phòng Sở	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Công nghệ Thông tin	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật MT	Trung tâm Kỹ thuật Địa chính - Nhà đất	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Văn phòng đăng ký đất đai	
2.8	Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ	31	31	0				31					
2.9	Phí BVMT đối với chất thải rắn	542	542	0		542							
2.10	Phí xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu	64	64	0		64							
2.11	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ	11	11	0			11						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại (chi thực hiện công tác chuyên môn trong thu phí, lệ phí)	6.003	6.003	0		1.315		58					4.630
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	12.809	12.809	0		6.784	1.942	84					3.998
1	Lệ phí	3.123	3.123	0			148						2.975
1.1	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	148	148	0			148						
1.2	Lệ phí cấp giấy CNQSDĐ	2.975	2.975	0									2.975
2	Phí	9.686	9.686	0		6.784	1.794	84					1.023
2.1	Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản	66	66	0			66						
2.2	Phí thẩm định đề án; báo cáo thăm dò, xả thải, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	695	695	0		695							
2.3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	5.333	5.333	0		5.333							
2.4	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.541	1.541	0		1.011	530						
2.5	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất	492	492	0			492						
2.6	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	0	0	0									
2.7	Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai	1.095	1.095	0				72					1.023

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc								
					Văn phòng Số	Chi cục Bảo vệ Môi trường	Chi cục Quản lý đất đai	Trung tâm Công nghệ Thông tin	Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật MT	Trung tâm Kỹ thuật Địa chính - Nhà đất	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	Văn phòng đăng ký đất đai	
2.8	Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ	12	12	0				12					
2.9	Phí BVMT đối với chất thải rắn	434	434	0		434							
2.10	Phí xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu	6	6	0		6							
2.11	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ	11	11	0									
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	195.270	195.270	0	79.376	9.941	4.506	7.776	33.652	5.548	1.892	52.579	
1	Chi quản lý hành chính	17.935	17.935	0	11.390	3.991	2.554						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	16.246	16.246	0	10.709	3.001	2.536						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.689	1.689	0	681	990	18						
2	Chi sự nghiệp	177.335	177.335	0	67.986	5.950	1.952	7.776	33.652	5.548	1.892	52.579	
a	Chi sự nghiệp tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản	88.697	88.697	0	24.746		1.952	1.980	0	5.548	1.892	52.579	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	1.233	1.233	0				1.233					
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	87.464	87.464	0	24.746		1.952	747		5.548	1.892	52.579	
b	Chi sự nghiệp môi trường	88.638	88.638	0	43.240	5.950		5.796	33.652				

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

PHỤ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Thường